



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ☐ Yes, ☐ No

EXIT VISA: ☐ Yes ☐ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TRAN VAN KHOAN
Last Middle First

Current Address _____

Date of Birth 02.1929 Place of Birth Thua-Thien

Previous Occupation (before 1975) _____
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05/1975 To 01/1981

3. SPONSOR'S NAME: TRAN-VAN-DINH
Name

Washington DC 20015
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>TRAN-VAN-HUONG</u> <u>APT BEL</u>	<u>brother</u>
<u>CA 92020</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE . THI NGOC LAN	1930	wife
TRAN . THI . BINH	1953	daughter
TRAN . VAN . TRUONG	1956	son
TRAN . THI XUAN NEN	1957	son
TRAN . THI THANH PHUOC	1960	son
TRAN . VAN . HU	1964	son
TRAN . QUOC . PHU	1965	son
TRAN . THI . THU NHAN	1967	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Questionnaire for Ex Political Prisoner in Viet-nam

I Basic information on application in Viet-nam

1. Full name: TRẦN - VĂN - KHOAN
2. Date and Place of Birth: 9-02-1929 Thừa Thiên
3. Position, Rank Before April 1975: Trưởng Ty Thông - Tin
Biển Hoà.
4. Month, date year arrested: 15-07-1975
5. Month, date, year out of camp: 02-02-1984
6. Present mailing address: 22/17/B Tổ 3 Ấp 2 Thị trấn
Thị trấn TP Hồ-chí-Minh
7. Current address: 22/17/B Tổ 3 Ấp 2 Thị trấn Thị
trấn TP Hồ-chí-Minh.
8. Training:

II - List full name, date of birth and place of birth of ex political prisoner and relative.

<u>No</u>	<u>Full name</u>	<u>Date of birth</u>	<u>Place of birth</u>	<u>Relationship</u>
1	Lê thị Ngọc Lan	1930	Thừa Thiên	Vợ chồng
2	Trần thị Bình	1953	Thừa Thiên	Con
3	Trần văn Tường	1956	Thừa Thiên	Con
4	Trần thị Xuân Viên	1957	Thừa Thiên	Con.
5	Trần thị Thanh Phước	1960	Thừa Thiên	Con.
6	Trần thị Thu Hồng	1962	Thừa Thiên	Con.
7	Trần văn Hy	1964		
8	Trần quốc Phú	1965	TP Hồ Chí Minh	Con.
9	Trần thị Thu Hương	1967	Thành Phố Huế	Con.
10	Bà Công Minh	1988	TP Hồ Chí Minh (Thị trấn)	cháu
11	Trần văn Đức	1933	Thừa Thiên	em ruột m HTCT và 12/2/1988
12	Trần thị Nam Hương	1948	TP Hồ Chí Minh	
13	Bà Công Tiến	1959	Dã Nang	Con rể
14	Trần quang Thành	1958	Quảng Ninh	Con rể
15	Trần Bội Kỳ	1962	Hải Phòng	Con rể

A Relative To accompany with expolitical Prisoner
To consist of the US Country

No	Full name	Date of birth	Place of birth	Relationship
1	Lê Thị Ngọc Lan	1930	Thị Thiên	1.3 di' th'...
2	Trần thị Bình	1953	Thị Thiên	Con
3	Trần văn Trùng	1956	Thị Thiên	Con
4	Trần thị Xuân Viên	1957	Thị Thiên	Con
5	Trần thị Thanh Phúc	1960	Thị Thiên	Con
6	Trần thị Thu Hồng	1961	Thị Thiên	Con
7	Trần văn Hy	1964	Thị Thiên	Con
8	Trần quốc Phức	1965	Thị Thiên	Con
9	Trần thị Thu Nhân	1967	Thị Thiên	Con
10	Bùi công Minh	1968	TP Hồ Chí Minh	Em ruột
11	Trần văn Đức	1933	TP Hồ Chí Minh	cháu
12	Trần thị Xuân Hương	1988	TP Hồ Chí Minh	Con Lê...
13	Bùi công Tiến	1959	TP Hồ Chí Minh	Con Lê...
14	Trần quang Thanh	1958	TP Hồ Chí Minh	Con Lê...
15	Trần Bình An	1962	TP Hồ Chí Minh	Con Lê...

B- Complete Family of expolitical Prisoner.

- 1- Father : Trần văn Hoàn (chết)
- 2- Mother : Trần thị Tuy' (chết)
- 3- Former spouse :
- 4- Spouse
- 5- Children.

6 - Siblings :

- 1- Trần văn Hiệp 70 Tuổi Thị trấn Phố Hồ Chí Minh (337/2/22)
- 2- Trần văn Liên 65 Tuổi Thị trấn Phố Hồ Chí Minh (2 Tổng đội Tân Hòa)
- 3- Trần văn Đức 1933 Thị trấn Phố Hồ Chí Minh (HTCT về 13-2-1988, nhập hộ khẩu tại nhà anh em ở TP Hồ Chí Minh 22/17/13 Tổ 3 ấp 2 Thị trấn Phố Hồ Chí Minh)
- 4- Trần văn Thanh 1965 TP Hồ Chí Minh (trở lại 20/11 T.K. đồng TP Hồ Chí Minh)

III Relative outside Viet-nam

A. Closed relatives in the US:

No.	Full name	Relationship	Address
1	Trần Văn Hiến	Anh ruột	[REDACTED] Cajon CA 92020 USA.
2	Trần Thị Nga	Chị ruột	[REDACTED] [REDACTED] Arlington VA 22204.
3	Trần Văn Dĩnh	Anh ruột	[REDACTED] Washington DC 20015 USA.
4	Trần Văn Khởi	Cháu ruột	[REDACTED] Houston Texas 77089 USA.
5	Trần Văn Bích	Cháu ruột	[REDACTED] [REDACTED] San Diego California.
6	Trần Văn Lâm	Cháu ruột	[REDACTED] [REDACTED] Diego 92120
7	Trần Văn Long	Cháu ruột	[REDACTED] The Colony Texas 75050.

B. Closed Relatives in the other foreign country

No.	Full name	Relationship	Address.
	Trần Văn Ngô	Cháu ruột	53 Rue de l'Amiral Mont Souis 75013 Paris France
	Trần Văn Nhân	Cháu ruột	48 Wokool Circuit Baren act 2647 Australia
	Trần Văn Hoàng	Cháu ruột	09 Huntingdale Ave CAERAM 111 2166 Australia

Nhưng đến xin tuổi bay thêm.

- Vì ngày tổ lễ thất lạc, nên xin tuổi bay cái
chú tiết sau đây để tiện cái xét:

- Tại 1968-1970. Trung tá Thủy - từ Quân khu 1
Cố vấn Mỹ là cái Ông: Major DASH.

- Ông Dessemone.

- Tại 1970-1973 - làm Trung tá Thủy tại
Biển Hoa.

- Cố vấn Mỹ: Ông Tryon

- Ông Edward Low.

- Cái ngày tổ lễ thất lạc, nên xin tuổi bay cái.

Thư gửi 2/8/1988.

Trần

Trần văn Khoa

NY 68-001-QLTC, 100

2543 Ngày 21 tháng 11

Jan 1972

010	313	718	010	1011
-----	-----	-----	-----	------

522

CTT ngày 24-5-1961 của Bộ Công an

Tại hành án văn, quyết định tha số 3007 ngày 5 tháng 10 năm 1960

của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Nay cần giấy tha cho anh; chỉ có tên sau đây:

Họ tên khai sinh PHẠM VĂN CHÁNH

Họ tên thường gọi: _____

Họ tên bị danh: Nguyễn Văn Hùng

Sinh ngày 09 tháng 02 năm 1929

Noir-sinh Tung-Tien

Nơi đăng ký nhận thầu thương tru trước khi bỏ bán

22/11/2019

(Can 40) That is all for this meeting.

Biết bắt ngày 13/09/1975 n phát

Theo quyết định, án văn số 083 ngày 2 tháng 9 năm 1970 của T.Đ.

Mon 30th Oct

Đã bị lãng quên _____ lần, công thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giám án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Này về cư trú tại 22/17B, ấp 2, thị trấn Đức, huyện Đức

Nhận xét quá trình cải tạo

Hien hoc cap: 15.000

Lưu ý: Nếu không có...

He, ien, cho ly
ngươi được cấp giấy

~~Ngày tháng năm 193~~

Giám thị

~~ca. 1860-1865~~

Das. Ma. ۱۳۰۲

Up 41-3022

Trần Văn Khoa. Trung tá: Trần Văn Tước.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Lịch số 001-QLTG, ban

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

hình theo công văn số

2563 ngày 21 tháng 11

năm 1972

Trại - Thanh Hóa

Số 3371 GRT

0101313718010101

MUG

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-TCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Tài hành án văn, quyết định thả số 3997 ngày 5 tháng 1 năm 1980

của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh TRẦN VĂN THOẠI

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bị danh

Sinh ngày 09 tháng 02 năm 1929

Nơi sinh Thừa Thiên

Nổi danh kẻ phản kháng thường trú trước khi bị bắt

22/11B Nguyễn Tri Phương, Thủ Đức, TP/HCM

Cấp tội Khai an cố ý, tấn công tập thể

Bị bắt ngày 13/05/1975

Theo quyết định, án văn số 053 ngày 1 tháng 3 năm 1975 của UBND

Tiểu vùng Sài.

Đã bị tạm an lập, cộng thành năm tháng

Đã được giảm an lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 22/11B ấp 2, Thủ Đức, TP/HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Tiền được cấp: 12,000

Lấy lấy ngày trả tiền

Ho, tên, chữ ký
người được cấp giấyNgày 02 tháng 02 năm 1981
Giám thị

Của Trần Văn Khoa

Đanh báo số 552

Lập tại Đồng Hòa

Trần Văn Khoa, Trung tá; Trịnh Văn Thích

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại: Trại Lao Động

Số 1171 GRT

0 0 1 3 3 7 8 0 0 0 1 2

SNSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an,

Thị hành án văn quyết định tha số 2097 ngày 5 tháng 12 năm 1980

ủa Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh TRẦN VĂN KHUÂN

Họ, tên thường gọi Trần Văn Khuân

Họ, tên bị danh Trần Văn Khuân

Sinh ngày 09 tháng 02 năm 1929

Nơi sinh Thị trấn Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 22/17B Nguyễn Tri Phương, Thủ Đức, tp/HCM

Cán tội Khai man cấp bậc, trốn học tập cải tạo

Bị bắt ngày 15/07/1975 án phạt 15 năm

Theo quyết định, án văn số 083 ngày 2 tháng 3 năm 1975 của UBND

Tỉnh Đồng Nai

Đã bị täng án lần, cộng thành lần năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành lần năm tháng

Nay về cư trú tại 22/17B ấp 2, Thủ Đức, tp/HCM

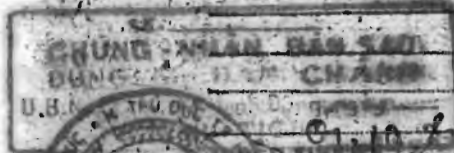
Nhận xét quá trình cải tạo

Giá trị được cấp: 15,000

Của Trần Văn Khuân

Danh bản số 982

Lập tại Đồng Nai



Trần Văn Khuân
6/4/81

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 01 tháng 01 năm 1981
Giám thị

Trần Văn Khuân Trung tá: Trình Văn Thích

Questionnaire for Ex Political Prisoner in Viet-nam

I - Basic information: or application in Viet-nam

- 1- Full name: **TRẦN - VĂN - KHOAN**
- 2- Date and Place of Birth: **9-02-1929 Thừa Thiên**
- 3- Position, Rank Before April 1975: **Trưởng Ty Thống - Tài**
Binh Hòa
- 4- Month, date year arrested: **15-07-1975**
- 5- Month, date, year out of camp: **01-01-1981**
- 6- Present mailing address: **22/17/B Tổ 3 Ấp 2 Thị trấn**
Thị trấn TP Hồ-chí Minh
- 7- Current address: **22/17/B Tổ 3 Ấp 2 Thị trấn Thủ**
đầu TP Hồ-chí Minh
- 8- Training

II - List full name, date of birth and place of birth of ex political prisoners and relative...

No	Full name	Date of birth	Place of birth	Relationship
1	Lê thị Ngọc Lan	1930	Thừa Thiên	Vợ chồng
2	Trần thị Bình	1953	Thừa Thiên	Con
3	Trần văn Tưng	1956	Thừa Thiên	Con
4	Trần thị Xuân Viên	1957	Thừa Thiên	Con
5	Trần thị Thanh Phước	1960	Thừa Thiên	Con
6	Trần thị Thu Hồng	1961	Thừa Thiên	Con
7	Trần văn Hy	1964	TP Hồ-chí Minh	Con
8	Trần quốc Phú	1965	Thị trấn Thủ đầu	Con
9	Trần thị Thu Hương	1967	Thị trấn Thủ đầu	Con
10	Bùi Công Minh	1988	TP Hồ-chí Minh	cháu
11	Trần văn Đạt	1933	Thừa Thiên	em ruột mẹ
12	Trần thị Ngọc Hương	1957	TP Hồ-chí Minh	HTCT 2/13/1988
13	Bùi Công Tiến	1959	Đà Nẵng	Con rể
			Quảng Bình	Con rể

Full name: TRAN - VAN - KHOAN

Date and Place of Birth: 9-02-1929 Thừa Thiên

3- Position, Rank Before April 1975: Trung Ty Thông - Tin
Biển Hoà.

4- Month, date year arrested: 15-07-1975

5 Month, date, year out of camp: 02-02-1982

6- Present mailing address: 22/17/B Tổ 3 Ấp 2 Thị trấn
Thị trấn TP Hồ Chí Minh

7 Current address: 22/17/B Tổ 3 Ấp 2 Thị trấn Thị
 trấn TP Hồ Chí Minh.

8- Training

II - List full name, date of birth and place of birth of political prisoner and relative.

No	Full name	Date of birth	Place of birth	Relationship
1	Lê thị Ngọc Lan	1930	Thừa Thiên	Vợ chồng
2	Trần thị Bình	1953	Thừa Thiên	Con
3	Trần văn Tưng	1956	Thừa Thiên	Con
4	Trần thị Xuân Viên	1957	Thừa Thiên	Con
5	Trần Thị Thanh Phúc	1960	Thừa Thiên	Con
6	Trần thị Thu Hồng	1962	Thừa Thiên	Con
7	Trần văn Hy	1964	TP Hồ Chí Minh	Con
8	Trần quốc Phú	1965	Thị trấn Phố Huế	Con
9	Trần Thị Thu Hương	1967	TP Hồ Chí Minh	Con
10	Bùi Công Minh	1988	Thị trấn	Con
11	Trần văn Đức	1933	Thừa Thiên	Con rể HTCT. 27/3/1983
12	Trần thị Nam Hương	1988	TP Hồ Chí Minh	Con
13	Bùi Công Tiến	1959	Đà Nẵng	Con
14	Trần quang Thành	1958	Quảng Trị	Con
15	Trần Bội Kỳ	1964	Hải Phòng	Con

A Relative to accompany men in prison
To contact the US Consulate

no	Full name	Date of birth	Place of birth	Relationship
1	Lê Thị Ngọc Lan	1930	Thị trấn Thuận	Con
2	Trần Thị Bình	1953	Thị trấn Thuận	Con
3	Trần Văn Tiến	1956	Thị trấn Thuận	Con
4	Trần Thị Xuân Viên	1957	Thị trấn Thuận	Con
5	Trần Thị Thanh Phức	1960	Thị trấn Thuận	Con
6	Trần Thị Thu Hằng	1961	Thị trấn Thuận	Con
7	Trần Văn Hy	1964	Thị trấn Thuận	Con
8	Trần Quốc Phức	1965	Thị trấn Thuận	Con
9	Trần Thị Thu Nhân	1967	Thị trấn Thuận	Con
10	Bùi Công Minh	1968	Thị trấn Thuận	Em ruột
11	Trần Văn Đức	1933	Thị trấn Thuận	Con
12	Trần Thị Xuân Hằng	1948	Thị trấn Thuận	Con
13	Bùi Công Tiến	1959	Thị trấn Thuận	Con
14	Trần Văn Thanh	1958	Thị trấn Thuận	Con
15	Trần Văn Đức	1962	Thị trấn Thuận	Con

B- Complete Family of ex-political Prisoner

- 1- Father : Trần Văn Hoàng (chết)
- 2- Mother : Trần Thị Tuy (chết)
- 3- Former spouse:
- 4- Spouse
- 5- Children

6 - Sibling :

- 1- Trần Văn Hiệp 70 Tuổi Thị trấn Thuận (33/2/24)
- 2- Trần Văn Liên 65 Tuổi Thị trấn Thuận (2/1/24)
- 3- Trần Văn Đức 1933 Thị trấn Thuận (1/1/24)
- 4- Trần Văn Thanh 1965 Thị trấn Thuận (1/1/24)

III Relative outside list-name

A. Closed relative in the US:

No.	Full name	Relationship	Address
1	Trần Văn Hùng	Anh ruột	[redacted] CA 92020 U.S.A.
2	Trần Thị Nga	Chị ruột	[redacted] 988 Arlington VA 22204
3	Trần Văn Đình	Anh ruột	[redacted] Washington DC 20045 U.S.A.
4	Trần Văn Khôi	Cháu ruột	[redacted] Houston Texas 77019 U.S.A.
5	Trần Văn Bích	Cháu ruột	[redacted] San Diego California
6	Trần Văn Lâm	Cháu ruột	[redacted] San Diego 92120
7	Trần Văn Long	Cháu ruột	[redacted] The Colony Texas 95050

B. Closed Relatives in the other foreign country

No.	Full name	Relationship	Address
	Trần Văn Ngô	Cháu ruột	53 Rue de l'Amiral Mont Souis 75013 Paris France
	Trần Văn Nhàn	Cháu ruột	48 McKool Circuit Baren act 2647 Australia
	Trần Văn Hùng	Cháu ruột	69 Huntingdale Ave Australia CAERAMATA 111 2166

Nhưng đến khi biết rằng thêm.

- Vì quá tò mò thất bại, nên xin thôi bay con' chuốt. Sau đây đề tiên cứu xét:

- Từ 1968. 1970 Trung Ty Thủy - từ thuyền thuyền
Cố vấn Mỹ là con' Ông: Major DASH.

- Ông Desemone.

- Từ 1970. 1973 - làm Trung Ty Thủy - từ
Bên Hòn.

- Cố vấn Mỹ: Ông Tryon

- Ông Edward Low.

- Vì quá tò mò thất bại, nên xin thôi bay con' chuốt.

Thời điểm 2/8/1988.

Trần

Trần Văn Khỏe

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, Ban
hành theo công văn số
3563 ngày 21 tháng 11
năm 1972

Trại Đàn Lữ

Số 3371 GRT

0 0 3 3 7 8 0 0 0 1 2

SKSL 9

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Tại hành án văn, quyết định tha số 3097 ngày 5 tháng 12 năm 1980

ủa Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh TRẦN VĂN THẮNG

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bị danh

Sinh ngày 09 tháng 02 năm 1929

Nơi sinh Thị trấn Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

22/17B Nguyễn Trĩ Phương, Thủ Đức, tp/HCM

Cán tội Khai man cấp bậc, trốn học tập cải tạo

Bị bắt ngày 15/07/1975 tại Trại

Theo quyết định, án văn số 083 ngày 13 tháng 3 năm 1979 của UBNN

Tỉnh Đồng Nai

Đã bị täng án lần, cộng thành lần năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành lần năm tháng

Nay về cư trú tại 32/17B ấp 2, Thủ Đức, tp/HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

CHUNG NHẬN BÀN TAY

ĐƯỢC CHẤM

U.S. ...

Tiền được cấp: 15,000

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 01 tháng 01 năm 1981
Giám thị

Của Trần Văn Khoa

Danh bản số 982

Lập tại Đồng Nai

Trần Văn Khoa, Trung tá, Trịnh Văn Thích

[Faint handwritten notes:]

Dog - 7-8-... ON 10/93
...
...
...
...
...
...
...

[Faint handwritten notes, possibly "A. L. M."]

at the station
last night. They found a dead cat
that was in the house.

[Faint handwritten signature]

SAC - [illegible]

NOV 18 1952
FBI - NEW YORK



Actual

9254

NGUYEN AN BANG

ARLINGTON, VA 22203



SEP 15 1988

MRS. KHUOC MINH THO

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

dia di Hl
guyen m Bang
Ahl. ra. 22203